

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 72/2026/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 18 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt
trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 6036/TTr-SNNMT ngày 30/5/2026;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định ban hành quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.
2. Các Quyết định sau hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 23/2022/QĐ-UBND ngày 21/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên (*trước sáp nhập*) ban hành Quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

b) Quyết định số 21/2024/QĐ-UBND ngày 28/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn (*trước sáp nhập*) ban hành Quy định quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Loan

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

(Ban hành kèm theo Quyết định số 72/2026/QĐ-UBND

ngày 18/6/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chi tiết các nội dung về quản lý chất thải rắn sinh hoạt thuộc thẩm quyền quản lý của UBND cấp tỉnh quy định tại khoản 7 Điều 72; khoản 2 và khoản 6 Điều 75; khoản 6 Điều 79 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 22, khoản 23 và khoản 24 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường số 146/2025/QH15); quy định tại khoản 1 Điều 63 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (được sửa đổi bổ sung tại điểm d, bổ sung điểm e khoản 1 Điều 21 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Hộ gia đình, cá nhân sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (bao gồm cả người nước ngoài).

2. Các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 58 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, gồm: Cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh có phát sinh chất thải từ hoạt động sinh hoạt, văn phòng với tổng khối lượng dưới 300 kg/ngày (sau đây gọi tắt là chủ nguồn thải) được lựa chọn hình thức quản lý chất thải rắn sinh hoạt như hộ gia đình, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Các cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có phát sinh chất thải rắn sinh hoạt quy định tại khoản 2 Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ không thuộc phạm vi điều chỉnh Quy định này, phải thực hiện việc chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt theo quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5 Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Các đơn vị, tổ chức tham gia dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

5. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Các từ ngữ sử dụng trong quy định này được hiểu như sau:

a) Chất thải rắn sinh hoạt nguy hại là chất thải chứa yếu tố độc hại, phóng xạ, lây nhiễm, dễ cháy, dễ nổ, gây ăn mòn, gây nhiễm độc hoặc có đặc tính nguy hại khác phát sinh trong sinh hoạt thường ngày của con người.

b) Chất thải rắn công kênh là những loại chất thải rắn có kích thước lớn phát sinh trong sinh hoạt thường ngày của con người, là vật dụng gia đình được thải bỏ có kích thước lớn như tủ, giường, nệm, bàn, ghế hoặc các vật dụng tương tự khác hoặc gốc cây, thân cây, cành cây.

c) Cộng đồng dân cư là cộng đồng người sinh sống trên cùng địa bàn thôn, xóm, tổ dân phố hoặc điểm dân cư tương tự trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

d) Chủ dự án đầu tư là chủ đầu tư hoặc nhà đầu tư của dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, xây dựng.

2. Các từ ngữ khác quy định tại Điều 3 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14; Điều 3 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Điều 3 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ; Điều 3 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sử dụng trong quy định này gồm:

a) Chất thải là vật chất ở thể rắn, lỏng, khí hoặc ở dạng khác được thải ra từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, sinh hoạt hoặc hoạt động khác.

b) Chất thải rắn là chất thải ở thể rắn hoặc bùn thải.

c) Chất thải rắn sinh hoạt (còn gọi là rác thải sinh hoạt) là chất thải rắn phát sinh trong sinh hoạt thường ngày của con người.

d) Xử lý chất thải là quá trình sử dụng các giải pháp công nghệ, kỹ thuật (khác với sơ chế) để làm giảm, loại bỏ, cô lập, cách ly, thiêu đốt, tiêu hủy, chôn lấp chất thải và các yếu tố có hại trong chất thải.

đ) Tái chế chất thải là quá trình sử dụng các giải pháp công nghệ, kỹ thuật để thu lại các thành phần có giá trị từ chất thải.

e) Điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt là nơi chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt từ các loại phương tiện thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn thải, khu vực công cộng, quét dọn vệ sinh đường phố để chuyển chất thải rắn sinh hoạt sang phương tiện cơ giới có tải trọng lớn.

g) Trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt là nơi để tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt được thu gom từ nguồn phát sinh và điểm tập kết trước khi chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển đến nơi xử lý.

h) Cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải là cơ sở có hoạt động xử lý chất thải (bao gồm cả hoạt động tái chế, đồng xử lý chất thải) cho các hộ gia đình, cá nhân, cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp.

i) Nơi công cộng là công viên, khu vui chơi, giải trí, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, chợ, nhà ga, bến xe, bến tàu, bến cảng, bến phà và những nơi phục vụ chung cho nhu cầu của nhiều người.

Điều 4. Nguyên tắc chung về quản lý chất thải rắn sinh hoạt

1. Chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý theo hướng giảm thiểu phát sinh, tăng cường tái sử dụng, tái chế để khai thác tối đa giá trị tài nguyên của chất thải rắn sinh hoạt.

2. Hộ gia đình, cá nhân, chủ nguồn thải có trách nhiệm và nghĩa vụ phân loại tại nguồn phù hợp với mục đích quản lý, xử lý và chi trả giá dịch vụ cho hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Khuyến khích xã hội hóa đầu tư công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt thân thiện môi trường, tiết kiệm tài nguyên đất, tái sử dụng, tái chế, đồng xử lý, xử lý thu hồi năng lượng và hạn chế tối đa việc chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt.

4. Hạn chế sử dụng bao bì ni lông khó phân hủy, khuyến khích sử dụng bao bì thân thiện môi trường để thay thế các bao bì ni lông khó phân hủy để chứa chất thải rắn sinh hoạt sau phân loại.

5. Tổ chức, cá nhân vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, chất thải sinh hoạt nguy hại phải xử lý có trách nhiệm vận chuyển chất thải đến cơ sở có chức năng, giấy phép môi trường phù hợp hoặc chuyển giao cho tổ chức, cá nhân vận chuyển khác để vận chuyển đến cơ sở có chức năng, giấy phép môi trường phù hợp.

6. Tuân thủ quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 5. Phân loại, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

1. Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân, chủ nguồn thải được phân loại theo nguyên tắc sau:

a) Chất thải rắn sinh hoạt thông thường gồm chất thải rắn sinh hoạt có khả năng tái sử dụng, tái chế; chất thải thực phẩm; chất thải rắn sinh hoạt khác không chứa yếu tố nguy hại, như: Chất thải có khả năng đốt cháy, chất thải trơ.

b) Chất thải rắn sinh hoạt nguy hại phát sinh trong sinh hoạt thường ngày của con người, thuộc danh mục chất thải nguy hại quy định tại Phụ lục III Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, sửa đổi, bổ sung tại Phụ lục III Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

c) Chất thải rắn sinh hoạt công kênh gồm những vật dụng gia đình được thải bỏ có kích thước lớn như tủ, giường, nệm, bàn, ghế hoặc các vật dụng tương tự khác hoặc gốc cây, thân cây, cành cây... không thể thu gom cùng với chất thải rắn sinh hoạt thông thường.

2. Hộ gia đình, cá nhân, chủ nguồn thải phát sinh chất thải rắn sinh hoạt sau khi thực hiện phân loại theo quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện quản lý như sau:

a) Chất thải rắn sinh hoạt thông thường sau khi phân loại thực hiện quản lý theo quy định tại khoản 3, 4, 5 Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường. Trong đó, chất thải rắn sinh hoạt có khả năng tái chế đựng trong bao bì, thiết bị có màu xanh; chất thải thực phẩm đựng trong bao bì, thiết bị màu đỏ; chất thải rắn sinh hoạt khác đựng trong bao bì, thiết bị có màu trắng; chất thải rắn sinh hoạt nguy hại đựng trong bao bì, thiết bị có màu vàng. Trong thời gian chưa ban hành quy cách kỹ thuật đối với các bao bì, thiết bị, người dân có thể lựa chọn bao bì, thiết bị có màu sắc như quy định trên và phải đảm bảo khả năng lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt không gây ô nhiễm môi trường.

b) Chất thải rắn sinh hoạt nguy hại được đựng trong bao bì, thiết bị lưu chứa phải đảm bảo theo quy định tại khoản 4, 5 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

c) Chất thải rắn sinh hoạt công kênh phải được hộ gia đình, cá nhân, chủ nguồn thải lưu giữ, không được vứt bừa bãi tại các nơi công cộng, ao, hồ, sông, suối... gây ô nhiễm môi trường. Đối với các loại chất thải rắn sinh hoạt công kênh sau khi được tháo dỡ vẫn có kích thước lớn, hộ gia đình, cá nhân, chủ nguồn thải

thuộc đối tượng quy định tại khoản 1, 2 Điều 2 Quy định này có thể tự vận chuyển đến địa điểm tập kết, trạm trung chuyển do Ủy ban nhân dân cấp xã quy định hoặc tự thỏa thuận chi phí với đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt để cung cấp dịch vụ thu gom tại nguồn đối với loại chất thải này. Các loại chất thải khác sau khi được tháo dỡ từ chất thải công kênh được phân loại như chất thải rắn sinh hoạt quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Chủ dự án đầu tư, chủ sở hữu, ban quản lý khu đô thị, chung cư, tòa nhà văn phòng phải bố trí thiết bị, phương tiện, địa điểm để phân loại tại nguồn, thu gom, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt theo quy định; tổ chức thu gom chất thải từ hộ gia đình, cá nhân theo quy định; bố trí điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt phù hợp trong khuôn viên của dự án đầu tư theo quy định.

Điều 6. Điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt

1. Điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt

a) Việc bố trí điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải phù hợp với quy hoạch đô thị và nông thôn, quy hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải có các khu vực khác nhau để lưu giữ các loại chất thải rắn sinh hoạt đã được phân loại, bảo đảm không để lẫn các loại chất thải đã được phân loại với nhau.

b) Đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 26 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT (yêu cầu kỹ thuật đối với điểm tập kết); các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h khoản 2 Điều 26 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (yêu cầu kỹ thuật đối với trạm trung chuyển).

c) Bố trí thiết bị lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt nguy hại (có vỏ cứng với kích cỡ lớn như bồn, bể, công-ten-nơ hoặc thiết bị tương tự khác) đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, gồm: Vỏ có khả năng chống được ăn mòn, không bị gỉ, không phản ứng hóa học với chất thải nguy hại chứa bên trong, có khả năng chống thấm hoặc thẩm thấu, có gia cố hoặc thiết kế đặc biệt tại điểm tiếp nối và vị trí xếp, dỡ hoặc nạp, xả chất thải để tránh rò rỉ; kết cấu cứng chịu được va chạm, không hư hỏng, biến dạng, rách vỡ bởi trọng lượng chất thải trong quá trình sử dụng; có dấu hiệu cảnh báo theo quy định.

d) Có thể tiếp nhận và xử lý sơ bộ (tháo dỡ, giảm thể tích...) các loại chất thải rắn sinh hoạt công kênh nhằm tăng cường tái sử dụng và tái chế các loại chất thải rắn sinh hoạt công kênh đã tiếp nhận; các thành phần không thể tái sử dụng, tái chế được vận chuyển đến các khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt để xử lý.

2. Chủ dự án đầu tư, chủ sở hữu, ban quản lý khu đô thị mới, chung cư, tòa nhà văn phòng phải bố trí điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt phù hợp trong quá trình thiết kế, xây dựng và vận hành để phục vụ nhu cầu thải bỏ chất thải rắn sinh hoạt của tất cả người dân sinh sống tại khu đô thị mới, chung cư, tòa nhà văn phòng đó.

3. Chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 2 Quy định này có thể bố trí điểm tập kết đáp ứng quy định nêu trên hoặc có thể lưu chứa trong thiết bị lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt xác định vị trí, thời gian tập kết cho từng khu, cụm dân cư; bố trí các điểm tập kết, trạm trung chuyển đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này với quy mô tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt phù hợp, bảo đảm an toàn giao thông, hạn chế tối đa hoạt động vào giờ cao điểm; bố trí ít nhất một điểm tập kết, trạm trung chuyển để tiếp nhận và xử lý sơ bộ các loại chất thải rắn sinh hoạt công kênh phát sinh trên địa bàn.

Điều 7. Thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt từ các hộ gia đình, cá nhân, chủ nguồn thải đến các điểm tập kết, trung chuyển và vận chuyển đi xử lý

1. Ủy ban nhân dân cấp xã lựa chọn cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt thông qua hình thức đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu; trường hợp không thể lựa chọn thông qua hình thức đấu thầu thì thực hiện theo hình thức đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ theo quy định của pháp luật đối với những dịch vụ được chi trả từ nguồn vốn ngân sách nhà nước.

2. Tần suất thu gom, thời gian, phương thức chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt thông thường: Tùy vào đặc điểm của mỗi khu vực dân cư, Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với đơn vị thu gom chất thải rắn sinh hoạt và tổ trưởng tổ dân phố, khu phố, ban quản lý chung cư, trưởng thôn, xóm, bản xác định thời gian, địa điểm, tần suất, tuyến thu gom chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với hiện trạng, đảm bảo theo quy định sau đây:

a) Chất thải rắn sinh hoạt có khả năng tái sử dụng, tái chế: Các hộ gia đình, cá nhân, chủ nguồn thải có thể chuyển giao (bán, tặng) cho cho các tổ chức, cá nhân thu mua phế liệu, cơ sở tái chế để tái chế, tái sử dụng.

b) Chất thải thực phẩm: Tần suất thu gom tối thiểu đối với khu vực đô thị, trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp là 01 (một) ngày/01 (một) lần; đối với khu vực nông thôn, tùy vào đặc điểm dân cư từng khu vực, điều kiện cung ứng dịch vụ thực tế, Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với cộng đồng dân cư, đại diện khu dân cư và đơn vị cung ứng dịch vụ xác định tần suất thu gom cho phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

c) Chất thải khác (trừ chất thải rắn sinh hoạt nguy hại): Tần suất thu gom tùy điều kiện từng địa phương và khối lượng chất thải phát sinh.

d) Tùy vào đặc điểm của mỗi khu vực dân cư, Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt và đại diện của các cá nhân, hộ gia đình, chủ nguồn thải (tổ trưởng tổ dân phố/ban quản lý chung cư/trưởng thôn, xóm) quy định thời gian, phương thức chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt thông thường trên địa bàn (sử dụng loa, chuông hoặc hình thức thông báo khác) phù hợp với điều kiện thực tế và quy định của nhà nước; Ủy ban nhân dân cấp xã thống nhất với đơn vị thu gom về cách thức xác định khối lượng rác thải sinh hoạt để phục vụ theo dõi và tính giá thu gom, vận chuyển rác thải. Đơn vị đến thu gom thực hiện gom chất thải rắn sinh hoạt vào thiết bị, phương tiện lưu chứa. Việc bố trí thời gian thu gom và vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt cần lưu ý tránh trong giờ cao điểm (trừ trường hợp đột xuất theo yêu cầu của cơ quan chức năng hoặc chính quyền địa phương); không tập kết xe gom, xe vận chuyển tại các địa điểm dễ gây ùn tắc giao thông, tại các khu vực cửa ngõ ra vào đô thị; các trung tâm thương mại, dịch vụ, các khu vực công cộng tập trung đông người.

3. Đối với chất thải rắn sinh hoạt công kênh: Việc thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt công kênh từ nơi phát sinh đến điểm tập kết, trạm trung chuyển được thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 5 Quy định này. Hộ gia đình, cá nhân, chủ nguồn thải phải trả phí thu gom, vận chuyển theo thỏa thuận đảm bảo chất thải rắn sinh hoạt công kênh được vận chuyển, xử lý theo đúng quy định, không được vứt bừa bãi ra môi trường.

4. Đối với chất thải rắn sinh hoạt nguy hại: Cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt thực hiện thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại phát sinh từ các hộ gia đình, cá nhân và chủ nguồn thải quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 2 Quy định này đến điểm tập kết, trạm trung chuyển bằng phương tiện có bố trí thiết bị lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt nguy hại theo quy định. Việc thu gom chất thải rắn sinh hoạt nguy hại có thể kết hợp cùng với chất thải rắn sinh hoạt thông thường nhưng được lưu chứa trong thiết bị riêng đáp ứng yêu cầu điểm c khoản 1 Điều 6 Quy định này.

5. Yêu cầu đối với phương tiện thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt

a) Phương tiện thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt thông thường phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 27 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Các phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải lắp đặt thiết bị định vị để quản lý dữ liệu về tuyến đường, thời gian theo quy định.

b) Đối với chất thải rắn sinh hoạt công kênh: Việc vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt công kênh trên các phương tiện thu gom, vận chuyển phải đáp ứng quy định về kích thước hàng hóa trên xe theo quy định tại Thông tư số 12/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích trên đường bộ; hàng siêu trường, siêu trọng, vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ; cấp giấy phép lưu hành cho xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ.

c) Đối với chất thải rắn sinh hoạt nguy hại: Phương tiện vận chuyển chất thải sinh hoạt nguy hại phải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật tại Điều 37 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

Điều 8. Xử lý chất thải rắn sinh hoạt

1. Biện pháp xử lý chất thải rắn sinh hoạt thông thường

a) Chất thải rắn sinh hoạt có khả năng tái sử dụng, tái chế: Khuyến khích các hộ gia đình, cá nhân, chủ nguồn thải thu gom, phân loại riêng để chuyển giao cho các tổ chức, cá nhân thu mua phế liệu, cơ sở tái chế để tái chế, tái sử dụng.

b) Chất thải thực phẩm: Tùy điều kiện từng địa phương, đối với các địa phương có đất vườn rộng, Ủy ban nhân dân cấp xã khuyến khích các hộ gia đình tự xử lý tại hộ như: Ủ làm phân bón hoặc tận dụng làm thức ăn chăn nuôi. Đối với những nơi không có điều kiện tự xử lý tại hộ, đơn vị thu gom phải thu gom riêng để xử lý tập trung tại khu xử lý bằng phương pháp làm phân bón hữu cơ, phương pháp nhiệt hóa hoặc chôn lấp hợp vệ sinh (trong đó hạn chế tối đa việc chôn lấp).

c) Chất thải có khả năng đốt cháy: Đối với những vùng sâu, vùng xa, diện tích rộng, điều kiện khó khăn, Ủy ban nhân dân cấp xã khuyến khích các hộ gia đình tận dụng để làm nhiên liệu trong nấu ăn; đối với các nơi còn lại Ủy ban nhân dân cấp xã yêu cầu đơn vị thu gom phải thu gom riêng loại chất thải này để đưa về khu xử lý tập trung xử lý bằng phương pháp đốt. Các xã chưa có lò đốt chất thải rắn, có thể hợp đồng chuyển giao chất thải cho các cơ sở có lò đốt tại các địa phương khác để xử lý.

d) Chất thải tro, khó phân hủy (như: thủy tinh, sành sứ, bê tông, gạch vỡ sau phá dỡ công trình...): Thu gom, vận chuyển, tập kết riêng tại khu xử lý, trạm trung chuyển để chuyển giao cho các đơn vị trong hoặc ngoài tỉnh có chức năng tái chế hoặc xay nghiền thành cốt liệu phục vụ xây dựng theo đúng quy định. Việc xay nghiền chất thải tro, khó phân hủy (thủy tinh, sành sứ, bê tông, gạch vỡ sau phá dỡ công trình...) để sử dụng làm cốt liệu xây dựng phải đáp ứng các yêu cầu của QCVN 16:2023/BXD, các tiêu chuẩn kỹ thuật về cốt liệu cho bê tông và vữa, đồng thời phải đảm bảo việc công bố hợp chuẩn, hợp quy đối với sản phẩm vật liệu xây dựng trước khi đưa ra thị trường.

2. Biện pháp xử lý chất thải rắn sinh hoạt nguy hại

a) Căn cứ điều kiện thực tế tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp xã hợp đồng với đơn vị xử lý chất thải nguy hại được Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp phép để thu gom chất thải rắn sinh hoạt nguy hại tại các điểm tập kết, trạm trung chuyển trên địa bàn với những dịch vụ được chi trả từ nguồn vốn ngân sách nhà nước.

b) Các thiết bị lưu chứa, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt nguy hại của đơn vị xử lý chất thải nguy hại phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu tại điểm c khoản 1 Điều 6 Quy định này.

3. Biện pháp xử lý chất thải rắn sinh hoạt công kênh

a) Cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt thực hiện phân rã, phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại các điểm tập kết, trạm trung chuyển.

b) Căn cứ tính chất của từng loại chất thải sau khi phân rã, phân loại để xử lý riêng từng loại như đối với chất thải rắn sinh hoạt (thông thường và nguy hại) theo khoản 1, 2, Điều này.

Điều 9. Giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt

1. Giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt bao gồm giá dịch vụ áp dụng đối với tổ chức, cá nhân phát sinh chất thải rắn sinh hoạt và giá dịch vụ áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt quy định tại khoản 1 Điều 29 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (trừ các đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 2 Quy định này).

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định giá tối đa áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt (trừ trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu); Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định giá cụ thể theo tình hình thực tế tại địa phương đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập

trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân sử dụng dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hình thức thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo khối lượng hoặc thể tích chất thải thông qua một trong các trường hợp: Thông qua giá bán bao bì đựng chất thải rắn sinh hoạt, thông qua thể tích thiết bị chứa đựng chất thải rắn sinh hoạt, thông qua việc cân xác định khối lượng chất thải rắn sinh hoạt (đối với các cơ quan, tổ chức) hoặc các hình thức khác do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định. Trường hợp thu giá dịch vụ thông qua giá bán bao bì đựng chất thải rắn sinh hoạt, yêu cầu kỹ thuật đối với bao bì đựng chất thải rắn sinh hoạt thực hiện theo khoản 2 Điều 30 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, được sửa đổi bổ sung tại khoản 14 Điều 1 Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Nguyên tắc định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân và các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được tính theo nguyên tắc có sự bù đắp thông qua ngân sách địa phương theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 29 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4. Phương pháp định giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt áp dụng đối với nhà đầu tư và cung cấp dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt được thực hiện theo quy định tại Điều 31 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, được sửa đổi bổ sung tại khoản 15 Điều 1 Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (trừ các đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 2 Quy định này).

5. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 30 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc thu giá dịch vụ theo khối lượng hoặc thể tích chất thải rắn sinh hoạt thông qua bao bì, phần đầu triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh từ năm 2028.

Điều 10. Đóng bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt sau khi kết thúc hoạt động

Sau khi kết thúc hoạt động chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt, các bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt phải được thực hiện đóng bãi. Việc đóng bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt được thực hiện theo quy định tại Điều 32 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, được bổ sung tại Điều 15 Thông tư 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 11. Xử phạt các quy định về phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt

1. Hành vi hộ gia đình, cá nhân, chủ nguồn thải chất thải rắn sinh hoạt không phân loại chất thải rắn sinh hoạt theo quy định; không sử dụng bao bì chứa chất thải rắn sinh hoạt theo quy định bị xử phạt theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/07/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

2. Hành vi vi phạm trong hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt bị xử phạt theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/07/2022 của Chính phủ.

3. Hành vi vi phạm của chủ dự án đầu tư, chủ sở hữu, ban quản lý khu đô thị, chung cư, tòa nhà văn phòng bị xử phạt theo quy định tại khoản 6 Điều 26 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/07/2022 của Chính phủ.

Chương III**TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN****Điều 12. Trách nhiệm và quyền của hộ gia đình, cá nhân, chủ nguồn thải**

1. Hộ gia đình, cá nhân, chủ nguồn thải có trách nhiệm:

a) Thực hiện phân loại, lưu giữ và chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt cho đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo đúng thời gian do Ủy ban nhân dân cấp xã quy định.

b) Thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Giữ gìn vệ sinh nơi ở và nơi công cộng, thu gom, tập kết chất thải rắn sinh hoạt đúng nơi quy định; không được vứt, thải, đổ, bỏ chất thải rắn sinh hoạt ra môi trường không đúng nơi quy định; tham gia các hoạt động vệ sinh môi trường khu phố, đường làng, ngõ xóm, nơi công cộng do chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể phát động.

d) Người dân khi đi lại trên đường, những nơi công cộng có nhu cầu thải bỏ chất thải rắn sinh hoạt phải bỏ vào thùng chứa công cộng hoặc những nơi do cơ quan chức năng quy định.

đ) Dọn dẹp, giữ gìn vệ sinh môi trường trong khu đất thuộc quyền sử dụng của mình, vỉa hè trước và xung quanh khu vực.

e) Hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước trong công tác điều tra, khảo sát xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý chất thải rắn sinh hoạt.

g) Giám sát và phản ánh các vấn đề liên quan đến chất lượng cung ứng các dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; các vi phạm đối với Quy định này đến các cơ quan có thẩm quyền có liên quan theo quy định pháp luật.

h) Chịu hình thức xử phạt nếu vi phạm quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ.

2. Quyền hạn của hộ gia đình, cá nhân, chủ nguồn thải

a) Được nhà nước, các cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt khi đã thanh toán đầy đủ chi phí dịch vụ theo quy định.

b) Được khen thưởng, tuyên dương và công nhận gia đình văn hóa khi tham gia thực hiện tốt phong trào, chương trình hoặc hiến kế, góp ý nhằm góp phần bảo vệ môi trường.

Điều 13. Trách nhiệm và quyền của cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt

1. Cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt có trách nhiệm sau:

a) Thống nhất với Ủy ban nhân dân cấp xã, cộng đồng dân cư, tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở để xác định thời gian, địa điểm, tần suất, phương thức và tuyến thu gom chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn. Công bố rộng rãi thời gian, địa điểm, tần suất và tuyến thu gom chất thải rắn sinh hoạt theo quy định; thông báo tới Ủy ban nhân dân cấp xã trong trường hợp từ chối thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân, chủ nguồn thải không phân loại, không sử dụng bao bì đúng quy định.

b) Quản lý, giữ gìn, đảm bảo vệ sinh môi trường trên địa bàn được giao; đảm bảo phương tiện thu gom, vận chuyển các loại chất thải rắn sinh hoạt sau phân loại theo đúng quy định; vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo đúng tuyến đường, thời gian quy định của Ủy ban nhân dân cấp xã; lắp đặt thiết bị giám sát hành trình hoặc cung cấp thông tin, dữ liệu vận chuyển cho Ủy ban nhân dân cấp xã để theo dõi, giám sát; quản lý các điểm tập kết, trạm trung chuyển đảm bảo chất thải rắn sinh hoạt được lưu chứa riêng, đáp ứng quy định về việc lưu chứa tạm thời theo từng loại; theo dõi, kiểm tra, phát hiện các trường hợp vi phạm quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt, kịp thời báo cáo chính quyền địa phương và các cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định.

c) Báo cáo định kỳ hằng năm trước ngày 15/01 của năm tiếp theo về tình hình thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt được tích hợp trong báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 66 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, được sửa đổi tại khoản 19 Điều 1 Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Điều 23 Thông tư 09/2026/TT-BTNMT ngày 29/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường, gửi Ủy ban nhân dân cấp xã, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh (trường hợp thu gom trong địa bàn khu công nghiệp), Sở Công Thương (trong trường hợp thu gom trong địa bàn cụm công nghiệp) hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu.

d) Chịu hình thức xử phạt nếu vi phạm quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ.

2. Quyền hạn của cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt:

a) Được nhà nước thanh toán kinh phí thu gom, vận chuyển theo giá cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt do cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc văn bản thỏa thuận về giá thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt với chính quyền địa phương đối với những dịch vụ được chi trả từ nguồn ngân sách nhà nước.

b) Đề xuất các biện pháp hỗ trợ hoặc thay thế nhằm làm giảm chi phí cũng như nâng cao chất lượng vệ sinh môi trường đảm bảo các biện pháp hỗ trợ hoặc thay thế này không trái với các quy định hiện hành.

c) Có quyền từ chối thu gom, vận chuyển đối với chất thải rắn sinh hoạt từ các hộ gia đình, cá nhân, chủ nguồn thải chưa được phân loại; thông báo đến Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ quan quản lý có liên quan đề nghị kiểm tra, hướng dẫn, xử lý theo quy định; được thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Trách nhiệm và quyền của cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt thông thường, chất thải sinh hoạt công kênh

1. Cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt thông thường, chất thải rắn sinh hoạt công kênh có trách nhiệm sau:

a) Thực hiện xử lý chất thải theo đúng quy định này, đảm bảo tận dụng tái sử dụng tối đa chất thải, giảm thiểu tối đa chất thải phải chôn lấp, không được để lẫn các loại chất thải đã phân loại để xử lý.

b) Trong quá trình thực hiện phân rã, phân loại chất thải công kênh, nếu phát hiện chất thải nguy hại có lẫn, phải hợp đồng chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý chất thải nguy hại vận chuyển xử lý.

c) Phối hợp với chính quyền địa phương giữ gìn an ninh trật tự, an toàn khu vực xử lý và xung quanh cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt được giao quản lý, vận hành.

d) Báo cáo định kỳ hằng năm trước ngày 15/01 của năm tiếp theo về tình hình xử lý chất thải rắn sinh hoạt được tích hợp trong báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 66 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, được sửa đổi tại khoản 19 Điều 1 Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Điều 23 Thông tư 09/2026/TT-BTNMT ngày 29/01/2026, gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu.

2. Quyền hạn của cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt thông thường, chất thải rắn sinh hoạt công kênh:

a) Đề xuất với Ủy ban nhân dân cấp xã về khối lượng và thành phần chất thải rắn sinh hoạt tiếp nhận để đảm bảo phù hợp với mục tiêu xử lý, môi trường và hiệu quả xử lý.

b) Được quyền kiểm tra các chất thải chuyên giao đến cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt và từ chối tiếp nhận các loại chất thải không phải là chất thải rắn sinh hoạt hoặc chất thải rắn sinh hoạt không phân loại.

c) Được thanh toán đúng và đủ giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo hợp đồng đã ký kết.

Điều 15. Trách nhiệm và quyền của cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt nguy hại

1. Trách nhiệm và quyền hạn của cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt nguy hại

a) Thu gom chất thải rắn sinh hoạt nguy hại tại các địa điểm theo đúng hợp đồng ký kết với Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Báo cáo định kỳ hằng năm trước ngày 15/01 của năm tiếp theo về tình hình xử lý chất thải rắn sinh hoạt được tích hợp trong báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 66 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, được sửa đổi tại khoản 19 Điều 1 Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Điều 23 Thông tư 09/2026/TT-BTNMT ngày 29/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường, gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu.

2. Quyền hạn của cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt nguy hại:

a) Được quyền kiểm tra các chất thải chuyên giao đến cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt và từ chối tiếp nhận các loại chất thải không trong nội dung hợp đồng ký kết với Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Được thanh toán đúng và đủ giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt nguy hại theo hợp đồng đã ký kết với Ủy ban nhân dân cấp xã, các chủ nguồn thải theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Quy định này.

Điều 16. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành mới hoặc điều chỉnh quy định định mức kinh tế, kỹ thuật, giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt sau khi đã phân loại trên địa bàn tỉnh đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh và các quy định hiện hành.

c) Phối hợp với Sở Tài chính hằng năm rà soát nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường phân bổ, hỗ trợ cho công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

d) Tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát định kỳ và đột xuất quá trình thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đối với UBND cấp xã, các cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt nhằm nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ, đảm bảo quá trình cung ứng dịch vụ được thực hiện theo các quy định hiện hành.

đ) Định kỳ hằng năm (trước ngày 15/02 của năm tiếp theo) tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Môi trường kết quả hoạt động quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn toàn tỉnh được tích hợp trong báo cáo công tác bảo vệ môi trường cấp tỉnh theo Điều 118 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 63 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

e) Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chỉ đạo Quỹ Bảo vệ môi trường, rừng và phòng, chống thiên tai thực hiện việc hỗ trợ lãi suất và hỗ trợ cho vay vốn đối với các cơ sở thu gom vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo các quy định của văn bản này.

g) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định kỹ thuật đối với bao bì, thiết bị lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt sau khi được phân loại tại nguồn, thu gom, vận chuyển đến nơi xử lý, tái chế theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2. Sở Xây dựng

a) Hướng dẫn thủ tục đầu tư xây dựng đối với dự án đầu tư xây dựng nhà máy, khu xử lý, điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt khi có đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Chủ đầu tư.

b) Tổ chức thẩm định quy hoạch đô thị và nông thôn, thiết kế xây dựng, cấp giấy phép xây dựng công trình, dự án khu xử lý, điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo thẩm quyền.

c) Chia sẻ thông tin kế hoạch cấm đường, sửa chữa đường trước 15 (mười lăm) ngày áp dụng và thông tin các tuyến đường mật độ lưu thông đông đúc, thường xuyên tắc nghẽn giao thông cần hạn chế xe vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt lưu thông (đối với các tuyến đường thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Xây dựng) cho Ủy ban nhân dân cấp xã; phối hợp với Ủy ban nhân dân xã thống nhất các cung đường vận chuyển chính về các cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt cho các phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

3. Sở Tài chính

a) Hướng dẫn thực hiện thủ tục đầu tư đối với các dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo phương thức xã hội hóa và các hình thức đầu tư khác; ưu tiên thu hút các dự án đầu tư có công nghệ hiện đại, quy mô lớn, có kết hợp thu hồi năng lượng từ chất thải, không thu hút các dự án xử lý sử dụng công nghệ chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trực tiếp.

b) Chủ trì thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư các dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định.

c) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổng hợp, trình UBND tỉnh phê duyệt danh mục các dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh cần kêu gọi xúc tiến đầu tư.

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền cân đối, bố trí vốn đầu tư cho các dự án xử lý chất thải rắn thuộc thẩm quyền theo kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm.

đ) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Cục Thuế, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ hoạt động quản lý chất thải rắn theo quy định tại Điều 132, 133, 134, 135, 136, 137 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

e) Hằng năm căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách nhà nước hiện hành và dự toán do các cơ quan đơn vị đề nghị, Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối kinh phí chi thường xuyên theo phân cấp cho các cơ quan đơn vị thực hiện hỗ trợ các hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thẩm định hoặc tham gia ý kiến về công nghệ đối với dự án đầu tư xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 115/2025/QH15; nghiên cứu, tham mưu thúc đẩy ứng dụng, chuyển giao các công nghệ mới phục vụ thu gom, xử lý, tái chế và tái sử dụng chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo

Lồng ghép vào chương trình dạy học các nội dung, kiến thức về bảo vệ môi trường nhằm tuyên truyền, giáo dục học sinh ý thức thu gom, phân loại rác thải, giữ gìn vệ sinh môi trường, bảo vệ môi trường tại nhà, trường học và nơi công cộng.

6. Công an tỉnh

a) Chỉ đạo các phòng chuyên môn, nghiệp vụ và công an cấp xã tăng cường công tác phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật có liên quan đến tội phạm về môi trường; kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm về quản lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của pháp luật.

b) Thực hiện trách nhiệm bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong lĩnh vực môi trường; tăng cường kiểm tra, kiểm soát phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đảm bảo đúng tải trọng theo quy định của pháp luật.

7. Cục Thuế tỉnh

a) Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường trong xây dựng, điều chỉnh phương án giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

b) Hướng dẫn các địa phương, cơ sở thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt thực hiện chứng từ, thanh quyết toán tiền thu từ giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

8. Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh tham gia, phản biện, giám sát hoạt động quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh; tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về công tác phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn; phát huy hơn nữa vai trò, trách nhiệm của các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội trong công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, nhất là trong công tác phân loại, xử lý chất thải rắn sinh hoạt có nguồn gốc hữu cơ tại hộ gia đình.

9. Các Sở, ban, ngành khác

Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, phối hợp, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã, các đơn vị trực thuộc thực hiện công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt theo đúng Quy định này.

10. Báo và Phát thanh, Truyền hình Thái Nguyên

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, xây dựng phóng sự, ghi hình, đưa tin về các hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh; kịp thời đưa tin các địa phương làm tốt công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định này, đồng thời đưa tin các trường hợp bị xử lý vi phạm trong hoạt động quản lý chất thải rắn sinh hoạt để làm gương cho đồng đảo các tầng lớp Nhân dân.

Điều 17. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Thực hiện trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định tại khoản 3 Điều 63 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 27 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 21 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ.

2. Chịu trách nhiệm chỉ đạo và quản lý hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân tại các thôn, xóm, bản, tổ dân phố và các tổ chức tự quản trên địa bàn; tổ chức triển khai hoạt động phân loại chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân; tuyên truyền, vận động các cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng dân cư thực hiện việc phân loại, thu gom chất thải rắn sinh hoạt theo quy định; định kỳ xây dựng và triển khai kế hoạch tổng vệ sinh môi trường tại địa phương.

3. Hằng năm xây dựng và triển khai kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn; bố trí kinh phí thực hiện hỗ trợ các hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định về phân cấp quản lý ngân sách hiện hành; tổ chức đấu thầu, giao nhiệm vụ, đặt hàng lựa chọn đơn vị cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân theo quy định và phù hợp với thực tế tại địa phương đối với những dịch vụ được chi trả từ nguồn ngân sách nhà nước.

4. Căn cứ điều kiện thực tế của địa phương để ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải nguy hại phát sinh từ sinh hoạt của các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn được chi trả từ nguồn vốn ngân sách nhà nước.

5. Đề xuất quỹ đất phục vụ đầu tư xây dựng điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt, khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt quy mô liên xã trên địa bàn quản lý theo quy hoạch, quy định của pháp luật khác có liên quan và phân cấp quản lý ngân sách nhà nước; lồng ghép nội dung quy hoạch điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trong quá trình phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch xây dựng khu chức năng thuộc trách nhiệm quản lý của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định.

6. Chỉ đạo xây dựng tuyến thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn phù hợp tình hình thực tế của địa phương, đảm bảo tối ưu về cự ly vận chuyển và tình hình giao thông tại khu vực; chỉ đạo sắp xếp thời gian hoạt động của các điểm tập kết và các cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân đảm bảo công tác vệ sinh môi trường; ứng dụng công nghệ trong quản lý các phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn.

7. Chủ trì, phối hợp với cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở để xác định thời gian, địa điểm, tần suất và tuyến thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân, chủ nguồn thải đến điểm tập kết, trung chuyển, cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân; phối hợp với đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt cách thức xác định, thống kê khối lượng chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn, phổ biến đến người dân để làm cơ sở tính toán chi phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

8. Chỉ đạo các tổ dân phố, thôn, xóm, bản tham gia giữ gìn vệ sinh đường giao thông, nơi công cộng, thực hiện quy chế quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân và đăng ký thực hiện quy ước, cam kết giữ gìn vệ sinh môi trường.

9. Đối với các cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt quy mô liên xã, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có cơ sở xử lý đặt tại địa bàn ký hợp đồng xử lý và chịu trách nhiệm quản lý hoạt động của khu xử lý, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt quy mô liên xã hoặc có lò đốt thải rắn tạo điều kiện hỗ trợ xử lý chất thải rắn sinh hoạt cho các xã liên quan theo văn bản thỏa thuận hoặc hợp đồng giữa các bên.

10. Chịu trách nhiệm quản lý, kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng vệ sinh, nghiệm thu khối lượng công việc thực hiện của các cơ sở thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân.

11. Tổ chức kiểm tra việc thực hiện quy định này trên địa bàn, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo thẩm quyền hoặc chuyển người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật; tiếp nhận, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo và các yêu cầu kiến nghị về chất thải rắn sinh hoạt theo thẩm quyền hoặc chuyển đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết.

12. Định kỳ hằng năm (trước ngày 31/01) tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) kết quả hoạt động quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn toàn xã được tích hợp trong báo cáo công tác bảo vệ môi trường cấp xã.

13. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc để xảy ra tình trạng phát sinh chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân không đúng nơi quy định, gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn quản lý.

Chương IV **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 18. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí thực hiện Quy định này được bố trí từ ngân sách địa phương (cấp tỉnh, cấp xã) theo phân cấp hiện hành hoặc huy động từ các nguồn xã hội hóa, nguồn vốn ODA, các nguồn vốn hợp pháp khác (từ các chương trình, dự án, tài trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân...).

2. Ủy ban nhân dân cấp xã chủ động cân đối, bố trí kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ được giao đạt hiệu quả.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng quy trình kiểm tra, giám sát và nghiệm thu, thanh toán các công tác liên quan đến quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn theo Quy định này.

Điều 19. Quy định chuyển tiếp

Đối với các chủ nguồn thải đã thực hiện ký kết hợp đồng với các cơ sở cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, trong đó có nội dung chưa đúng với Quy định này thì phải thực hiện điều chỉnh, bổ sung hoặc ký kết lại hợp đồng cung ứng dịch vụ theo đúng Quy định này từ ngày Quy định này có hiệu lực thi hành.

Điều 20. Điều khoản thi hành

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện Quy định này. Định kỳ hằng năm (trước ngày 15/02) tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Môi trường kết quả thực hiện.

2. Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức triển khai thực hiện Quy định này và chịu trách nhiệm giám sát, kiểm tra việc thực hiện. Định kỳ hằng năm (trước ngày 31/01) báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao trong Quy định này.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, các đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

4. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này, trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, các quy chuẩn được dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các quy định mới ban hành, trường hợp có quy định mới về quản lý chất thải rắn sinh hoạt từ cơ quan trung ương, Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh nội dung Quy định này phù hợp với quy định hiện hành và phù hợp với điều kiện của tỉnh nếu cần thiết./.